

Bản án số: **37/2020/HNGĐ-ST**
Ngày: 22/06/2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Huỳnh Thị Kim Phụng**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Hồ Văn Tài**

2. Ông Phạm Đức Anh

- Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Kim Hương** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: **Bà Nguyễn Phương Dung** - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **622/2019/TLST-HNGĐ** ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “**Ly hôn, tranh chấp nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 05 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** **Anh Đỗ Huỳnh T**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Trầu, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

*** Chị Hoàng Thị Bích N**, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Bảo Thị, xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2019, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh T trình bày:*

Anh và chị Hoàng Thị Bích N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, đến tháng 12 năm 2011 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T cho rằng chị

N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ đó tình cảm ngày một lạnh nhạt, không còn tôn trọng nhau. Kéo dài đến năm 2015 chị N dọn về Xuân Lộc sống riêng, cháu Đỗ Hoàng A vẫn sống với anh T, đến năm 2019 chị N đưa cháu A về nuôi dưỡng cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn nên anh Đỗ Huỳnh T yêu cầu được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích N.

Anh chị chung sống có 01 con chung là: cháu Cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 03/01/2010. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh T khai không có.

** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai có trong hồ sơ chị Hoàng Thị Bích N trình bày:*

Chị thống nhất theo lời khai anh Đỗ Huỳnh T về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh T nghiện ngập ma túy, không lao động, lại có quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ bên ngoài, thiếu trách nhiệm với gia đình, chị đã nhiều lần tha thứ để có ngày anh sửa đổi nhưng vẫn không có kết quả. Tình cảm vợ chồng ngày một rạn nứt, kéo dài đến năm 2015 chị N dọn về nhà cha mẹ ruột sinh sống, hai vợ chồng ly thân từ thời gian đó cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị N đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là: cháu Cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 03/01/2010. Hiện chị đang nuôi dưỡng, sau khi ly hôn chị yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: chị khai không có.

Chị Hoàng Thị Bích N có đơn xin xử vắng mặt ngày 25/05/2020(BL số 50)

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.**

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Tòa án thực hiện đúng quy định.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn anh T khởi kiện tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nên xác định quan hệ pháp luật là: “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

- Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Đỗ Huỳnh T có đơn yêu cầu xin ly hôn với bị đơn chị Hoàng Thị Bích N có hộ khẩu thường trú tại xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, quy định tại khoản 1, Điều 35 và khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về tư cách tố tụng: anh T có đơn khởi kiện xin ly hôn với chị N, xác định là nguyên đơn, chị N là bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ viện kiểm sát, tổng đạt các văn bản tố tụng, xác minh, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về việc tuân theo pháp luật của HĐXX và thư ký tại phiên tòa: Thực hiện đúng quy định.

3. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án: đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

4. Về ý kiến giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: anh T và chị N chung sống từ năm 2010, đến năm 2011 mới đi đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống anh T cho rằng do tính tình không hợp, chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài, nên thường phát sinh mâu thuẫn. Còn chị N cho rằng anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, sử dụng ma túy, không có trách nhiệm với gia đình. Nên Vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh T yêu cầu ly hôn chị đồng ý. Hiện tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014 chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

Về con chung: anh Tiến, chị N đều có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 03/01/2010 đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu Đỗ Hoàng Anh trên 7 tuổi, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ, hiện cháu đang sống cùng chị Ngọc, chị N có thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000đ/tháng. Anh T có thời gian nghiện ma túy và đã đi cai nghiện, thời gian này cháu Anh giao cho ông bà Nội chăm sóc. Thiết nghĩ nên giao cháu Anh cho chị N nuôi dưỡng là hợp lý, chị không yêu cầu anh T đóng góp phí tổn nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Tiến.

Về tài sản chung và nợ chung: anh Tiến, chị N khai không có.

Bởi các lẽ trên: Căn cứ các Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56, 81, 82, 83, 84, 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Huỳnh Tiến, anh T được ly hôn với chị Hoàng Thị Bích Ngọc.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng Anh, sinh ngày 03/01/2010 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Tiến.

Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

5/ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Hoàng Thị Bích có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ngày 25/5/2020 (B1 50), do đó Tòa án vẫn T hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị Bích N theo quy định Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Đỗ Huỳnh T khởi kiện xin ly hôn với chị Hoàng Thị Bích Ngọc, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là: **“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”**, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa anh Đỗ Huỳnh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Tiến; Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Đỗ Huỳnh T và chị Hoàng Thị Bích N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, đến tháng 12 năm 2011 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Định, huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T cho rằng chị N có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, từ đó tình cảm ngày một lạnh nhạt, không còn tôn trọng nhau.

Theo lời khai chị N là do anh T nghiện ngập ma túy, không lao động, lại có quan hệ tình cảm với nhiều phụ nữ bên ngoài, thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được nên chị Hoàng Thị Bích N thuận tình ly hôn theo yêu cầu anh Tiến. Xét cuộc hôn nhân giữa chị N và anh T tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đều có yêu cầu xin được ly hôn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận trên.

[4] Về con chung:

Xét yêu cầu của các bên đương sự nhận thấy: cháu Đỗ Hoàng Anh hiện do chị N nuôi dưỡng, (tại BL35) lời khai cháu A xin được ở với mẹ, hơn nữa cháu là gái nên việc giao cháu cho mẹ nuôi sẽ thuận lợi hơn. Hiện cuộc sống của cháu đã ổn định, chị N khoảng thu nhập hàng tháng là 10.000.000đ (Mười triệu). Vì vậy, tránh xáo trộn về tâm sinh lý của cháu nghĩ nên giao cháu Anh cho chị N nuôi là phù hợp Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử bác yêu cầu xin được nuôi dưỡng cháu Đỗ Hoàng Anh của anh Đỗ Huỳnh T và giao cháu Đỗ Hoàng A cho chị Hoàng Thị Bích N nuôi dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh Tiến, chị N khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh Đỗ Huỳnh T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều. 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Huỳnh T và chị Hoàng Thị Bích N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng A, sinh ngày 03/01/2010 cho chị Hoàng Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm miễn cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

Anh Đỗ Huỳnh T được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết, chị N và anh T được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có.

4. Về án phí: anh Đỗ Huỳnh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí anh T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc theo biên lai thu số 0003360 ngày 02/12/2019 được tính trừ vào án phí.

Anh Đỗ Huỳnh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Hoàng Thị Bích N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- UBND xã Xuân Định;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kim Phụng

